

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 91

Phân Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh Xứ Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Hai

Đoạn 3:

Lại nữa, tụng nêu:

*Lìa dục, chưa lìa dục
Hỏi đường nhân duyên nhiễm
Giữ lấy mạng, xứ chấp
Đều nói rộng, nên biết.*

Nếu có Bí-sô ở nơi cõi Dục, hoặc đã lìa dục, hoặc chưa lìa dục, đối với năm thứ dục diêu, ý nhận biết pháp, ba đời địa định, do ba thứ triền cùng tùy miên căn bản hiện có kia, lúc đang tạp nhiễm, ở trong hiện pháp, không thực hiện việc hướng đến, chứng đắc Niết-bàn rốt ráo. Nên biết ở đây, do đời quá khứ, dựa nơi “thủ thức” kia. Do đời vị lai, thuộc nơi thủ thức kia. Do đời hiện tại, chấp trước thủ thức kia.

Do tùy miên căn bản hiện có kia, gắn chặt tại sự nối tiếp luôn đeo đuổi nên chấp giữ thủ thức kia. Cùng với đây trái nhau, là lúc không tạp nhiễm, ở trong hiện pháp có thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh.

Lại nữa, ở trong Thánh giáo, nên biết có bốn thứ hỏi như lý:

1. Hoặc các trưởng giả, hoặc con của trưởng giả có niềm tin thanh tịnh.
2. Các Bí-sô có đủ thông tuệ, đa văn.
3. Thị giả thân cận vâng hầu Đại sư.
4. Tức Đại sư. Có hai nhân duyên, Phật đối với đệ tử, nhận biết mà vẫn cố hỏi. Nghĩa là xem đệ tử tuy muốn thưa hỏi nhưng không dám, hoặc đối với nghĩa ấy không nhận biết rõ. Vì nhằm ngăn chặn lỗi lầm của hiện tại, vị lai, vì nhằm khiến cho chánh pháp được trụ lâu.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên nói sáu thức thân dùng sáu xứ nội làm nhân, dùng sáu xứ ngoại làm duyên. Nghĩa là sáu xứ nội là chỗ nương dựa của chủng tử thuộc sáu thức kia. Lại, sáu xứ nội nối tiếp một loại. Như trước đã được chuyển biến rất ráo, nên cảnh giới không đúng, không phải là chỗ nương dựa của chủng tử kia. Lại không phải là một loại nối tiếp chuyển.

Lại nữa, do hai thứ tướng, nên nhận biết rõ chung về tất cả tạp nhiễm:

1. Tự tánh của tất cả tạp nhiễm.
2. Đường đi của tất cả tạp nhiễm.

Nói tự tánh: Đó là dục tham làm gốc rễ cho các tạp nhiễm.

Nói đường đi: Nghĩa là xứ trong ngoài, chủ thể thủ, đối tượng được thủ có sai biệt.

Lại nữa, nếu các Bí-sô, đối với hai xứ sở cùng tùy thuận quan sát, hoặc hành hoặc trụ, tác ý như lý làm chỗ nương dựa, nơi hai thứ tạp nhiễm, tâm nên thoát khỏi.

Thế nào gọi là nơi hai xứ? Đó là tự giữ lấy thân mạng, hốt nhiên chết yếu. Tâm bất thiện, mạng chung, đi đến các nẻo ác.

Thế nào gọi là tác ý như lý làm chỗ nương dựa? Lại đối với những gì là hai thứ tạp nhiễm, tâm nên thoát khỏi?

Nghĩa là ta thà gặp phải vô số khổ sở vì bị đánh đập, tổn hại nơi thân xứ mình, chớ khiến ta với tâm bất thiện, mạng chung, sanh đến các nẻo ác.

Lại, ta phải nên cùng với hỷ lạc, đều quán xét đúng như thật, vì nhằm đối trị các thứ bất thiện hiện hành nên khẩn khoản, gắng sức tu tập các hành vô thường. Hoặc lúc kinh hành, nơi các cảnh giới chấp giữ các tướng, chấp giữ các thứ tùy hảo với tạp nhiễm hiện có, đều khiến tâm giải thoát, xa lìa. Khi trụ, đối với vô số tạp nhiễm hiện có của các tầm tư bất thiện, đều khiến tâm giải thoát. Nên biết ở đây, tạp nhiễm thứ nhất là tâm tương tự. Tạp nhiễm thứ hai là quả tương tự.

Lại, lúc hai tạp nhiễm hiện tại chuyển, sanh nơi hai xứ. Nghĩa là tự giữ lấy thân mạng, bấy giờ hốt nhiên chết yếu. Tâm bất thiện, qua đời, đi đến các nẻo ác. Do đó, đối với hai thứ tạp nhiễm kia, trong một sát-na, nếu thấy rõ lỗi lầm tai họa của chúng, hãy còn là thiện diệu, hướng hồ là có thể nối tiếp.

Lại có rất nhiều Ma, đã quy hướng nơi các tạp nhiễm hiện có, chấp trước nơi xứ an túc, kể trí nhận biết rõ, phải nên tránh xa. Tức là các loại phàm phu đã lìa dục, hệ thuộc nơi các xứ định sanh hỷ lạc, hiện

có ái vị, chấp trước nơi xứ an túc. Kể chưa lìa dục, đối với năm dục diệu thọ nhận làm chỗ dựa:

- Vui thích, tranh chấp tham ái, đắm nhiễm, chấp trước xứ an túc.
- Nơi trú xứ của các hữu tình có ân, oán, tất cả yêu thích, giận dữ, chấp trước nơi xứ an túc.
- Cảnh giới rộng lớn, nơi phẩm thượng có thể dẫn dắt thuận theo lạc, khổ, được cầu, tìm chốn có thể tham ái hiện có nơi ba đời, chấp trước xứ an túc. Nên biết ở đây, các trường hợp đáng vui, đáng thích, đáng yêu, hợp ý, có sai biệt, như trước đã biện giải.
- Không đáng vui mừng: Là không thể vui thích đối với đời vị lai.
- Không vui thích: Là đối với đời quá khứ, do thuận theo nhớ nghĩ không đáng vui thích.
- Không đáng yêu thích: Là đối với các cảnh giới, không đáng vui thích.

- Không hợp ý: Do đối với các thọ không đáng vui thích.

Lại nói khổ: Tức đối với cảnh giới không thể vui thích.

Nói tổn nã: Tức đối với các thọ không đáng vui thích.

Nói chống trái: Là đối với đời quá khứ không đáng vui thích.

Nói nghịch ý: Là đối với đời vị lai không đáng vui thích.

Lại nữa, có hai tạp nhiễm:

1. Tạp nhiễm của ngoại cảnh.

2. Tạp nhiễm của nội thọ.

Mất v.v... làm chỗ dựa, đối với cảnh như sắc v.v... khởi các tham chấp, gọi là tạp nhiễm của ngoại cảnh. Các xúc làm chỗ dựa, tham chấp nơi thọ bên trong, gọi là tạp nhiễm của nội thọ.

Hai thứ tạp nhiễm này, ở trong Bát Niết-bàn đã vĩnh viễn vắng lặng, đều không thể thủ đắc, không phải là nơi chốn có thể đi đến của các ma oán.

Lại nữa, do mười lăm thứ tướng, nên nhận biết rõ về tất cả chủng loại ái kiến tạp nhiễm: Nghĩa là, đối với các xứ, do các triền nên gọi là cất chứa. Do tùy miên nên gọi là hỗ trợ. Do ngã kiến nên gọi là che giấu. Các thứ còn lại có sai biệt, nói rộng như nói phần Nhiếp dị môn ở trước.

Lại nữa, tụng chung nêu:

Nhân nơi đồng phạm

Chỉ tạo các duyên

Phẩm thượng như tham

Sau là nhiều trụ.

Tụng riêng nêu:

*Nhân đồng phận, tư buộc
Giải thoát cùng xúc khắp
Thắng giải hộ căn môn
Giáo thọ cùng là sau.*

Các Thánh đệ tử, nhân nơi thức đồng phận, tùy nhập vô ngã, do ba thứ tướng, nên ở trong các thức, chánh quán mà trụ.

Thế nào là nhân nơi thức đồng phận, tùy nhập vô ngã? Nghĩa là do hiện thấy năm xứ có sắc, thân của bốn đại chủng hoặc tăng, hoặc giảm, hoặc lấy, hoặc bỏ. Do tánh vô thường, nên đối với duyên nơi thức kia, tùy nhập vô thường. Vô thường tức khổ, khổ tức vô ngã. Do nhân duyên này nên tùy nhập vô ngã.

Thế nào là tùy nhập tánh vô ngã rồi, do ba thứ tướng, nên ở trong các thức chánh quán mà trụ? Nghĩa là các thứ tà kiến, tất cả đều lấy ngã kiến làm gốc, thế nên gốc ấy tất phải đoạn trừ trước tiên.

Lại, do chánh huệ tức quán thức kia, về chỗ dựa, về đối tượng duyên, chuyển biến sai biệt có vô lượng thứ.

Lại quán thức ấy, lúc chuyển biến có sai biệt, như lượng sát-na, an trụ chắc thật, hãy còn không thể đạt được, hướng hồ là đạt được rất ráo.

Lại nữa, ở trong sáu xứ diệt tịch tĩnh hoàn toàn không có hý luận. Do hý luận kết hợp với bốn hành tướng, không nên tư duy, không nên phân biệt, không nên cất vấn, chỉ nên dựa vào giác huệ tăng trưởng của kẻ khác, quan sát xét kỹ về ý nghĩa sâu xa chân thật.

Những gì là bốn? Nghĩa là hoặc có, không, hoặc khác, chẳng khác. Do sáu xứ kia có sanh có diệt, lần lượt là tướng khác, thiết lập có thể nhận biết. Do sanh diệt nên có, không có thể thủ đắc. Có tướng khác, nên đối đãi chủng loại khác, tánh khác có thể thủ đắc. Do đối đãi nơi tự chủng loại, trước sau không khác, nên chẳng khác có thể thủ đắc.

Sáu xứ vĩnh viễn diệt, là tướng thường tịch tĩnh. Thế nên, do hý luận kia cùng hành với bốn thứ hành tướng, nên tư duy quan sát không hợp đạo lý. Nên biết ở đây, có thể dẫn đến tư duy, phân biệt về chỗ phát khởi ngôn ngữ vô nghĩa, gọi là hý luận. Vì sao? Vì đối với sự việc như thế, lúc siêng năng gia hạnh, không thể tăng ích phần ít pháp thiện, trừ bỏ pháp bất thiện. Do đó gọi đấy là hý luận.

Lại nữa, đối với xứ trong ngoài, nếu có cảnh giới dục tham hiện tiền hoặc không hiện tiền, nhưng các căn kia không thể dứt bỏ, nên gọi là trói buộc. Nếu không dục tham, cho dù có cảnh giới đang hiện tiền,

các căn đối với cảnh giới ấy hãy còn có thể dứt bỏ, hướng hồ là cảnh không hiện tiền, nên gọi là giải thoát.

Lại nữa, khéo tu tập phạm hạnh, đối với ngã kiến, ngã sở kiến của các uẩn, xử đã đoạn trừ vĩnh viễn, nếu thân bị tổn hại, cho đến các khổ thọ xúc não, đoạt mạng, hoàn toàn không bị sắc biến, tâm biến. Như thế gọi là khéo phòng giữ căn tướng thô. Vị kia do khéo giữ lấy các căn như thế, với sức tăng thượng của bốn khổ được giải thoát, nên đạt được bốn thứ hỷ:

1. Do duyên bên ngoài của vị lai sanh khổ, được giải thoát.

2. Do duyên bên trong của vị lai sanh khổ, được giải thoát.

3. Lúc ở nơi hiện pháp Bát Niết-bàn, do hai thứ nương dựa đã tạo các khổ, được giải thoát.

4. Mạng chung rồi, cùng với chỗ thấy của thế gian về tất cả các khổ tương tự như cỏ cây không tương tục.

Do hai thứ tướng, nên tương tự với cỏ cây:

1. Sáu xứ lia tướng hữu tình, cùng với chỗ thấy của thế gian về cỏ cây tương tự.

2. Sáu xứ là chỗ dựa cho lửa của tham-sân-si, nên mới bùng cháy, cùng với chỗ thấy của thế gian về cỏ cây tương tự.

Các Thánh đệ tử khéo tu phạm hạnh, khổ nơi hữu sau của vị lai không sanh, cùng với các Như Lai thành tựu lực minh, tương tự phần ít, không phải là duyên khổ của hiện pháp không sanh, nếu như vừa sanh thì mau chóng đoạn trừ. Nhưng các Đức Như Lai, với hai thứ lực minh thấy đều thành tựu, thế nên gọi là minh trì vô thượng.

Lại nữa, có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn, vượt hơn hiện lượng, hạng ngu của thế gian hãy còn không bị mê hoặc, hướng là các bậc trí. Hết thấy kể ngu si, đối với xứ an túc, suy tính hư vọng dùng làm chỗ dựa, hoặc dựa vào đời trước, hoặc dựa nơi hiện pháp, chấp trước vững chắc để kiến lập bốn thứ luận tà về khổ lạc. Nghĩa là dựa nơi đời trước, suy lường hư vọng nơi nhân đã tạo từ xưa, nên lập các khổ lạc.

Hoàn toàn tự tạo: Suy lường hư vọng về tự tại biến hóa dùng làm nhân để lập các khổ lạc.

Hoàn toàn là tha tạo tác: Suy lường hư vọng cho trước là tự tại tạo tác, sau đây là chỗ tạo tác của nhân đã gây từ trước, nên lập các khổ lạc.

Cả tự tạo, tha tạo: Suy tính hư vọng cho là không nhân sanh khởi, nên lập các khổ lạc.

Không phải tự, không phải tha đã tạo nhân sanh: Hoặc dựa nơi

hiện pháp, suy tính hư vọng. Hoặc tùy theo công dụng của tự dục, tự tạo, đã sanh khởi, lập làm tự tạo tác. Nếu không tùy theo dục, không tự hiểu biết, được kẻ khác dẫn dắt, nên lập làm tha tạo tác. Hoặc tùy chỗ mong muốn, chỗ hiểu biết của tự, được tha dẫn dắt, nên lập làm tự tha tạo tác.

Nếu không phải là công dụng của tự tha làm trước, được sanh khởi, chỉ do cảnh giới hiện tiền, nên không thể thông tỏ xúc của nhân vi tế, liền khởi tà chấp, cho không phải nhân đã tạo tác của tự, tha sanh, nên lập không nhân sanh.

Ở đây, chỉ có các căn, cảnh, thức hòa hợp sanh khởi khổ, lạc có thể thủ đắc, đều không có đời trước. Hoặc trong hiện pháp, hoặc tự hoặc tha, thật có thể đạt được. Chỉ tức đối với ba sự hòa hợp này, giả lập tự tha. Do đó nên biết, chỉ có xúc kia biến hành nơi tất cả, là nhân của khổ, lạc.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên chính thức phát khởi tinh tấn, mau chóng khiến các lậu vĩnh viễn dứt hết trọn vẹn. Những gì là bốn thứ tướng? Đó là:

1. Phát khởi tinh tấn bình đẳng. Nghĩa là không trạo cử quá mức, phát khởi siêng năng tinh tấn, khiến cho thân tâm kia dù bị mỏi mệt, tổn não cũng không phát khởi tinh tấn quá yếu kém, đối bỏ thân mạng khiến không đạt được. Đó là tướng thứ nhất.

2. Lại không do đầy mà sanh kiêu mạn. Nghĩa là ta riêng có thể phát khởi siêng năng tinh tấn, những kẻ còn lại thì không như thế. Đó là tướng thứ hai.

3. Lại nơi chính thức phát khởi siêng năng tinh tấn về chỗ chứng đắc án xúc của quả thế gian có sai biệt, không có ái vị. Cùng với đây kết hợp hành trì, tu không phóng dật, là tướng thứ ba.

4. Lại, đối với tướng của tinh tấn bình đẳng, có thể khéo thâm nhận, khiến nơi vị lai không có thối mất, là tướng thứ tư.

Như thế là phát khởi siêng năng tinh tấn đúng đắn, nên vĩnh viễn dứt hết các lậu, thành A-la-hán. Nếu muốn ở chỗ các vị đồng phạm hạnh có trí của bậc Đại sư kia, được ký biệt cho tự mình chứng đắc sai khác, chỉ là A-la-hán, với sáu xứ thắng giải mới có thể ký biệt đúng đắn. Nghĩa là dựa nơi ba học, cùng do năm thứ hữu tình. Những gì gọi là sáu xứ thắng giải? Đó là:

1. Thắng giải về xuất ly.
2. Thắng giải về không não hại.
3. Thắng giải về xa lìa.

4. Thắng giải về ái dứt hết.
5. Thắng giải về thủ dứt hết.
6. Thắng giải về tâm không quên mất.

- Thế nào là ba học? Là:

1. Giới học tăng thượng.
2. Tâm học tăng thượng.
3. Huệ học tăng thượng.

- Thế nào là năm thứ hữu tình? Đó là:

1. Phàm phu sinh sống nơi gia đình, chỉ dựa nơi tin tưởng phát sanh vui thích đối với thắng giải về xuất ly. Từ cảnh giới bị trói buộc, tâm cầu xuất ly. Đó gọi là loại hữu tình thứ nhất.

2. Phàm phu đã xuất ly rồi, chỉ dựa nơi Giới, đối với các hữu tình, do hành của thân ngữ ý luôn hành không nào hại. Đó gọi là loại hữu tình thứ hai.

3. Hàng phàm phu có thể đoạn trừ tham ái về lợi dưỡng và sự cung kính, ở trong hiện pháp, lìa dục của cõi Dục. Đó gọi là loại hữu tình thứ ba.

4. Hàng hữu học đã kiến đế tích. Đó gọi là loại hữu tình thứ tư.

5. Hàng vô học, chứng đắc A-la-hán. Đó gọi là loại hữu tình thứ năm.

Nên biết ở đây, hai xứ thắng giải thứ nhất, thứ hai lấy học thứ nhất làm chỗ dựa. Xứ thắng giải thứ ba dùng học thứ hai làm chỗ dựa. Ba xứ thắng giải sau dùng học thứ ba làm chỗ dựa.

Nếu do trí này có thể đoạn trừ phiền não cùng phiền não được đoạn, nên biết đó gọi là tâm không quên mất. Lại, nhân của hữu sau thuộc vị lai đã đoạn, gọi là ái dứt hết. Các tạp nhiễm nơi cảnh giới của hiện pháp đã đoạn, gọi là thủ dứt hết.

Lại, loại hữu tình thứ nhất kia, tuy có chánh tín nơi thắng giải xuất ly, nhưng chưa quyết định đối với vị lai có thể khiến cho tất cả sự trói buộc kia thủy đều dứt bỏ cùng với mọi thứ biến dị. Loại hữu tình thứ hai có thắng giải không nào hại, loại hữu tình thứ ba có thắng giải về xa lìa, nên biết cũng thế.

Nếu các bậc hữu học, nơi sáu xứ thắng giải, tuy đối với vị lai không thể gắng dứt bỏ các thứ hệ thuộc cùng những biến dị, nhưng giống như kẻ hành đảnh trì, tức niệm mới bắt đầu, thủy đều yếu kém, tuy sanh nơi xứ Thánh nhưng chưa khéo tu tập, nên đối với Tham-sân-si không thể xa lìa, không vĩnh viễn đoạn trừ trọn vẹn, do huệ còn yếu, cùng do tham v.v... chưa dứt hết, nếu gặp cảnh giới thắng diệu hiện tiền thì thường

xuyên quên niệm. Do nhân duyên ấy nên sanh khởi siêng năng học tâm giải thoát cùng huệ giải thoát, dứt hết các phiền não. Thế nên hữu tình hữu học luôn có chỗ tạo tác, do phần ấy mà gọi là giảm, kém.

Hoặc A-la-hán, với sáu xứ thắng giải, hãy còn đối với vị lai, không phải gắng sức nơi các thứ biến dị, huống hồ là có việc dứt bỏ. Vì đã khéo tu tập đạo. Vì Tham-sân-si đã vĩnh viễn đoạn trừ trọn vẹn, ái thủ đã dứt hết, thắng giải viên mãn, đã chứng đắc tận trí, vô sanh trí, sáu thứ hằng trụ được thấu nhận, nên trí huệ hiện có không như hàng hữu học thường xuyên quên niệm. Bậc A-la-hán, nơi sáu xứ thắng giải, do đệ nhất nghĩa là viên mãn tốt cùng, nên cũng gọi là thành tựu thanh tịnh tốt bậc, không phải như các hữu tình ở phần vị thấp khác. Do nhân duyên này nên cũng không tự cao đối với chỗ đã hiểu rõ về ký biệt. Nơi đối tượng hành đối tượng duyên của Tam-ma-địa, không hề tán loạn nên gọi là nội tâm trụ, tức Tam-ma-địa đã khéo thành tựu viên mãn, gọi là không hẹp nhỏ. Điều liả mọi trói buộc của tất cả phiền não, nên gọi là khéo giải thoát. Trí huệ hiện có đều khéo tích tập, nên gọi là khéo tu. Kiến đã diệt tận, không có ái vị, tâm hoàn toàn thiện, không tội.

Lại nữa, lược có hai thứ hữu tình:

1. Loại không thể giữ kín căn môn.
2. Loại khéo có thể giữ kín căn môn.

Thế nào là hữu tình không thể giữ kín căn môn? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với các cảnh giới không thể tác ý tư duy đúng như lý. Đối với sắc khả ái đã bị triền tham dục trói buộc. Đối với sắc không khả ái thì bị triền sân hận trói buộc. Lại, đối với cảnh kia, không thể tùy niệm về những lỗi lầm tai họa hiện có, nếu như có tùy niệm thì cũng không khéo tu tập. Do nhân duyên ấy, nên khi tâm bị các triền che phủ, dấy khởi các triền rồi thì không thể điều phục.

Lại, phàm phu này chưa được tâm huệ giải thoát của hàng hữu học, nên đối với tâm huệ giải thoát của bậc vô học ở trên cũng không nhận biết đúng như thật. Do không nhận biết, nên đối với tâm huệ giải thoát của các hàng hữu học cũng không thể có đủ. Bấy giờ, hữu tình kia chưa dùng sức tu tập làm chỗ nương dựa, đối với các thứ thô trọng hiện có của phẩm phiền não chưa thể loại trừ vĩnh viễn. Lại, không dựa nơi sức khéo xét chọn ở trước, nên do niệm không thành tựu làm nhân duyên, tức biết là không thể giữ kín căn môn. Do ba tướng này nơi hữu tình, nên biết là không thể giữ kín căn môn:

1. Do triền.
2. Do sự đối trị thuộc về xét chọn có thiếu giảm.

3. Do sự đối trị thuộc về sức tu tập có thiếu giảm.

Cùng với đây trái nhau, nên biết là phẩm trắng, đối với các căn môn đều khéo có thể giữ kín.

Lại nữa, do hai thứ tướng, các Thánh đệ tử đối với giáo pháp do Đại sư nêu giảng, có thể ký biệt đúng đắn, có thể khéo tuyên thuyết. Tức là có thể giải thích biện biệt về nghĩa chân thật. Những gì là hai tướng? Đó là:

1. Do tuyên thuyết ý nghĩa sâu xa ấy, nên khéo có thể ngộ nhập nơi ý nghĩa sâu xa như thế mà ký biệt đúng đắn.

2. Đức Như Lai dùng vô lượng môn để nêu rộng về Thánh giáo, vì vô lượng phẩm hữu tình, nên có vô số hiện thuyết. Đối với giáo pháp ấy không trái với pháp tánh nên có thể ký biệt đúng đắn.

Lại nữa, đối với Pháp-Luật do Phật khéo thuyết giảng, các Bì-sô mới tu học, thâm tâm yêu thích, do hai thứ tướng nên nhận biết rõ, đúng đắn:

1. Do thân tướng không biến dị.

2. Do tâm tướng không biến dị.

- Thân tướng không biến dị: Nghĩa là do hình sắc hết mực sáng tịnh, diện mạo vui tươi, thanh khiết, căn vui hòa mà tịch tĩnh. Xa lìa tham lạc tích chứa của cải để thọ dụng, đối với gia đình không còn luyến ái. Tâm không biến dị lại có ba thứ đối trị thâm tham, có thể khiến cho thâm tham chưa sanh thì không sanh, đã sanh thì liền đoạn. Đó là:

1. Tư duy về tướng không nên hành.

2. Tư duy về tướng hết sức bất tịnh.

3. Giữ kín tất cả căn môn.

Ở đây, giữ kín tất cả căn môn, tóm lược, nêu rộng nên biết như nơi địa Thanh văn đã nói. Hành giả kia, do khéo giữ gìn về thân, các căn như thế, khéo trụ nơi chánh niệm, nên có thể tư duy về tướng không nên hành.

Lại có thể tư duy về tướng hết sức bất tịnh, do đấy, phiền não không thể che phủ tâm, khiến mau chóng hồi chuyển.

Lại nữa, tụng nêu:

Chỉ duyên tâm tư nguyện

Tất cả loại luật nghi

Nhập Thánh giáo không hộ

Tư lương không khéo đủ

Xả sở học xứ chấp

Nghĩa không thiện tùy

*Bồ tát hơn thừa khác**Luận thiết lập sau cùng.*

Do các nghiệp phiền não đã tạo tác từ trước, cùng chủng tử của chính mình nối tiếp dẫn đến các thọ, sanh khởi sáu xúc xứ kia, chỉ là tạo duyên. Như tâm đã dậy khởi công dụng dẫn phát các thủ thọ nghiệp, tuy chỉ có thể làm sự hỗ trợ cho thủ thọ duyên. Nên biết ở đây, đạo lý cũng như thế.

Lại nữa, các Bí-sô có sự thọ dụng biên vực ngoại cụ đúng như pháp, an trụ nơi chốn vắng lặng, nếu có thể khiến cho tâm tư nhiễu loạn, cảnh tướng thắng diệu hiện đến nơi tâm, nên biết đó là sự tạo tác của phẩm loại Ma. Ở đây Bí-sô nên dùng chín tướng an trụ nơi tâm, từ các cảnh giới tương ứng với tâm tư thâm giữ tâm khiến trụ, không dung nạp tâm tư theo một lại khởi. Nếu do chỗ dựa này, do cảnh giới này có chỗ ái vị, thì nơi cảnh giới đó, theo chỗ đạt được, theo chỗ đã trụ, có thể tự xa lìa chúng. Bấy giờ, đối với sự việc khả ái, hoàn toàn không nương dựa nơi các tâm tư dục mà có chỗ tạo tác. Đối với tâm tư giận cùng tâm tư hại cũng có thể xa lìa. Tịnh tu nơi tâm, ở trong hiện pháp có thể đạt được Niết-bàn. Đạt được Niết-bàn rồi, trọn không cùng với kẻ khác tranh chấp mà trụ. Nghĩa là các thứ tranh chấp, ở trong Chánh pháp Tỳ-nại-da của Phật là tạo sự suy tổn tốt cùng. Như thế, tâm tư do ngu si sanh khởi cũng không tâm tư, như ngoại đạo khác. Lại nữa, nếu do nhân khổ của hữu sau, từ đời trước, ở trong hiện pháp, có pháp nơi quả của sáu xúc xứ mà chuyển, do sáu cảnh giới lúc tạo tổn não. Nếu có Bí-sô vì cầu hữu sau, tự phát thệ nguyện tu hành phạm hạnh, vị ấy, bấy giờ, khiến cho nhân khổ của hữu sau thứ bảy lại thêm tăng trưởng bội phần, càng bị tổn não, ở trong hiện pháp có thể làm chướng ngại Niết-bàn. Do nhân duyên ấy, nên nơi vị lai có đạt được sự an nhàn, quyết định là không viên mãn. Nguyện về hữu sau ấy, nên biết ở trong sự trói buộc vị tế kia là vô cùng vị tế. Vì sao? Vì như trong cung của cõi Trời Ba mươi ba kia, có một nhà tù giam cầm chư Thiên hoặc phi Thiên, nhưng theo “pháp nhĩ” thì những kẻ kia tạm được giải thoát, dùng sự vui chơi với cục cõi Trời mà trụ, cho đến chưa khởi tâm chạy trốn. Tâm ấy nếu khởi liền mất dục diệu, trở lại thấy tự thân đang bị trói buộc. Những kẻ kia vừa khởi tâm liền bị sự trói buộc vị tế vây buộc. Do thời phần nên gọi là vị tế, không phải là do khó nhận biết mà nói là vị tế, do lúc bị trói buộc, có thể tự hiểu rõ: Ta nay đang bị trói buộc.

Nếu các Bí-sô tâm nguyện về hữu sau, tâm ấy nếu khởi liền bị trói buộc, đã bị trói buộc rồi thì không thể nhận biết rõ tự thân có trói buộc.

Do đó, trói buộc này là hết sức vi tế. Nên biết thời phần cùng do khó nhận biết đều vi tế, nên gọi là rất vi tế.

Lại nữa, nếu các Bí-sô siêng năng tinh tấn hành gia hạnh, giữ gìn các căn, đối với luật nghi cùng phi luật nghi phải nên nhận biết rõ. Đối với luật nghi của hàng hữu học, vô học theo bậc hạ trung thượng nơi thế gian phải nên nhận biết rõ.

Thế nào là luật nghi? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với các cảnh giới khả ái có thể khiến tâm tạp nhiễm, không nhẫn, không thọ, không nắm không giữ, nếu như khiến vừa dấy khởi liền dứt bỏ ngay. Đó gọi là luật nghi.

Thế nào là phi luật nghi? Tức như một Bí-sô như người làm nông, đã thân cận bậc thiện tri thức, lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý, tu tập đúng đắn nơi cảnh giới của đối tượng duyên, như ruộng tốt, khiến chúng sanh khởi thiện căn, như mạ lúa. Nhưng chủng tánh của Bí-sô kia là nhiều tham, chưa từng thường xuyên hành tập đối trị tham dục, phát khởi hổ thẹn mạnh mẽ. Cũng chưa từng có hoặc gặp cảnh giới thắng diệu hiện tiền. Bí-sô kia do bản tánh như thế, chất hổ thẹn hiện có đều yếu kém, nên khởi triền tham, chấp chặt không bỏ. Tâm đối với triền tham không thể phòng giữ, lại tự phóng túng tác ý như lý, tương ứng với tâm trâu bò nhập vào cảnh giới là ruộng, tổn hoại thiện căn hiện có là mạ lúa. Do nhân duyên này, nên gọi là phi luật nghi.

Lại, như có một hữu tình, có thể mau chóng tác ý, đối với các cảnh giới luôn tự thân giữ, nhưng chưa thể quán xét về các lỗi lầm tai họa khiến chúng không dấy khởi trở lại. Đó gọi là luật nghi bậc hạ nơi thế gian.

Lại, như có một hữu tình, có thể mau chóng tác ý, đối với các cảnh giới luôn tự thân giữ, cũng có thể quán xét về các lỗi lầm tai họa hiện có của cảnh giới kia, khiến chúng không sanh khởi trở lại. Đó gọi là luật nghi bậc trung nơi thế gian. Do đấy làm chỗ dựa, đạt được chín tướng tâm trụ thuộc về bốn thứ tác ý, nên biết như nơi địa Thanh văn ở trước đã nói. Do đạt được những thứ ấy nên gọi là các loại phàm phu đã lìa dục tham.

Vị ấy, trước tu tập gia hạnh quán thời gian như kẻ làm nông, nay được tăng thượng, cũng như Đại vương, trước đã đạt được đẳng chí, sanh khởi các thọ thắng diệu, có thể nhận biết rõ đúng về xứ an lập của sự phóng dật lớn ấy rồi, liền khiến như quán, lắng nghe Chánh pháp, Xa-ma-tha thù thắng được sanh khởi tăng thượng, gồm giữ Tỳ-bát-xá-na, khiến vị ấy quán xét các thọ được sanh, tánh là duyên sanh. Tánh là

duyên sanh nên thể là vô thường, do đấy liền dùng các tướng, lỗi lầm tai họa của ý địa cùng hành tác ý mà được lìa dục. Đã lìa dục rồi, lại quán xét chỗ dựa của đẳng chí là riêng biệt, nên có mười thứ sai biệt. Do thời phần khác biệt, nên có nhiều trăm sai biệt.

Ở đây, chỗ dựa của đẳng chí có khác biệt, nên có mười thứ sai biệt:

*Có tâm có tứ.
Không tâm chỉ có tứ.
Hoặc hỷ cùng hành.
Hoặc lạc cùng hành.
Hoặc xả cùng hành.
Phân thối.
Phân trụ.
Phân thắng tiến.
Phân thuận quyết trách.*

Do thời phần khác biệt, nên có nhiều trăm sai biệt: Tức là quan sát về hành tướng như thế, dựa nơi thời phần sanh trụ diệt đã tạo nên đạo lý sai biệt, nên biết lại có nhiều trăm sai biệt. Như thế, nhận biết rõ về thọ được sanh kia, tánh là vô thường, lưu chuyển, với vô số tánh sai biệt rồi, lược do ba tướng lại quán xét kỹ các pháp kia tánh là vô thường. Nghĩa là về chỗ dựa, hiện hành, nhân.

- Chỗ dựa: Nghĩa là tội bậc cho đến sắc thân hiện có của Tĩnh lự thứ tư, là chỗ dựa của thọ.

- Hiện hành: Tức tội cùng là cho đến định diệt thọ tướng, trong đó tướng thọ phần nhiều hiện hành.

- Nói nhân: Là nhân của thọ hiện có nơi đời vị lai, tức tư duy cầu nguyện, quán xét như thế cho đến tánh duyên sanh của các pháp nơi cõi Hữu danh, đều là vô thường. Như vậy, quan sát đúng đắn, kỹ lưỡng, như lý về các địa lìa dục. Đó gọi là luật nghi thuộc phẩm thượng nơi thế gian.

Nên biết ở đây, hai luật nghi trước là thuộc về lực xét chọn, một luật nghi sau là thuộc về lực tu tập.

Vị kia đã thành tựu lực không phóng dật thắng diệu như thế, thông tỏ đúng như thật về lý của Thánh đế, nên có thể đoạn trừ vĩnh viễn chấp ngã, ngã sở, dùng làm hành trước, tất cả phiền não do kiến đạo đoạn trừ. Lại có thể đạt được luật nghi hữu học, vị kia tức tu tập luật nghi hữu học. Lại có thể vĩnh viễn đoạn trừ ngã mạn vọng chấp, dùng làm hành trước, hết thấy phiền não do tu đạo đoạn, nên chứng đắc hoàn toàn luật

nghi vô học.

Lại nữa, nếu các Bí-sô đã nhập Thánh giáo, nhưng không phòng hộ các căn, tức hoàn toàn tạo tác các khổ. Nghĩa là khổ của hậu pháp, hoặc khổ của hiện pháp.

Ở đây, thế nào gọi là phi luật nghi? Nghĩa là ở nơi hiện pháp hậu pháp như thế, gồm đủ các thứ lỗi lầm tai họa. Cảnh giới hành xử, khởi tướng tà vạy không như lý vọng chấp về các tướng tùy hảo. Tướng tà vạy là trước hết, nên đối với trụ xứ kia, phát khởi tầm tư tương ưng thuận với các thứ ấy, do đó không thể đối với tất cả lỗi lầm tai họa đã nói ở trước quán thấy đúng như thật. Tuy lại quán thấy các lỗi lầm hiện có, nhưng chưa thể thường xuyên tu tập nhiều, ở trong chỗ dựa, các thứ thô trọng hiện có của phẩm phiền não chưa có thể trừ bỏ. Thân chưa khinh an, tức là thân của sắc tâm. Do hành tướng ấy, nên triền và tùy miên vẫn còn hòa hợp, có thể khiến chống trái với việc xét chọn tu tập hai sức đối trị, gọi là phi luật nghi. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là hành tướng của luật nghi.

Lại, luật nghi này, do ba nhân duyên, nên có thể khiến tu tập mau chóng được viên mãn. Ba nhân duyên đó là: Đầu tiên, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, tịnh tín xuất gia. Đã xuất gia rồi, nên dùng văn huệ tương ưng với thần lực thâm giữ các loài trùng, thú có sáu căn tương tự. Đã thâm giữ rồi, lại dùng tư huệ tác ý như lý, quán xét đúng kỹ về các thứ lỗi lầm tai họa. Lại tu tập nhiều tư huệ như lý, khiến đạt đến cứu cánh, vượt quá tác ý, lại càng siêng tu, thân theo chánh niệm, nơi chánh niệm này lại khéo tu tập. Vì ấy, không thể lại mỗi mỗi đều dong ruổi, tán loạn nơi các cảnh giới riêng khác. Nên biết, bấy giờ, vị ấy đã khéo điều phục, thần lực đã được tự tại.

Lại nữa, có các Bí-sô, trước đã tu tập tư lương là diệu huệ, lại được gặp gỡ thiện hữu, lắng nghe đầy đủ về ba thứ lỗi lầm tai họa của các hành:

1. Lỗi lầm tai họa của hiện pháp.
2. Lỗi lầm tai họa của hậu pháp.
3. Lỗi lầm tai họa của hiện pháp-hậu pháp.

Nên biết ở đây, đại chúng cùng trái nhau làm chỗ nương dựa cho hết thấy tật bệnh, gọi là lỗi lầm tai họa của hiện pháp. Các hành của nẻo ác luôn luôn đeo đuổi, có thể tạo tác, có thể đi đến, gọi là lỗi lầm tai họa của hậu pháp.

Trước, ở nơi hiện pháp tạo nên hỷ tham dùng làm chỗ dựa, có thể dẫn đến già chết của hậu pháp, hiện pháp, gọi là lỗi lầm tai họa của

hiện pháp, hậu pháp. Như thế là lược nêu chung có ba thứ khổ:

1. Khổ của bệnh tật.
2. Khổ của nẻo ác.
3. Khổ của già chết.

Nghĩa là dựa nơi nẻo thiện, cùng dựa nơi nẻo ác, lắng nghe các lỗi lầm tai họa rồi, tinh tấn tu hành nơi pháp tùy pháp hành, nhân đấy có thể nhập hiện quán về Thánh đế.

Tiếp theo, do khéo làm tịnh chân trí vô ngã, như vào ngôi nhà không, hiện quán sáu xứ trong ngoài đều không. Bấy giờ, vị kia do huệ thông tỏ chỗ dựa nơi các cảnh giới quên niệm, đã sanh các phiền não có thể gây tổn hại, cùng tùy miên phiền não, tùy miên tham ái còn sót lại.

Lại tự thông tỏ, ở trong sự nối tiếp có các phiền não, có các tham ái, có các khổ bức, có các tổn hại cùng lỗi lầm. Hết thấy phiền não tham ái, khi chứng đắc Giới Bát Niết-bàn Hữu dư y, thì hoàn toàn tịch tĩnh.

Tiếp sau, lại chứng đắc Giới Bát Niết-bàn Vô dư y. Vị kia, trước tu tập ví như nhánh cành thân lá của cỏ cây. Chánh pháp nơi Thánh đạo được văn huệ tích tập, pháp tùy pháp hành làm chỗ nương dựa, ở trong tu đạo, chánh cần tu tập, lần lượt chứng tâm khéo giải thoát, trụ nơi Giới Bát Niết-bàn Hữu dư y, tất cả phiền não tai họa đều được giải thoát. Đã trụ ở đấy, nên biết là hoàn toàn vượt qua các khổ, đến nơi bờ giác.

Lại nữa, do bẫy nhân duyên, nên ở trong Pháp, Luật khéo giảng nói, tuy xuất gia rồi, trở lại thói bỏ chỗ tu học đúng đắn. Những gì là bẫy nhân duyên. Đó là:

1. Các phàm phu chưa có thể vượt qua địa của các phàm phu.
 2. Đối với các pháp khổ não của năm thủ uẩn không thể nhận biết rõ đúng như thật về năm chuyển.
 3. Các phàm phu đối với những dục diệu phẩm thượng đã không thể quán xét về những lỗi lầm tai họa của chúng.
 4. Lúc hành, lúc trụ, thường xuyên buông thả nơi các cảnh giới khả ái, chấp giữ những tướng mạo hiện có không như lý.
 5. Không buộc giữ niệm, nên luôn tâm tư phi lý, tâm tư phần trái, xấu của phẩm thiện.
 6. Do sợ sệt, hoặc vua quan, hoặc sự việc của nhân khác thét mắng, bức bách, vì sợ hãi nên liền đi theo.
 7. Do thân ái, nên đối với quyến thuộc có sự lưu luyến sâu đậm. Những thân thuộc kia nếu mời gọi, thì vì ái luyến tức liền theo họ.
- Lại, đối với các cảnh giới, hoặc tùy thuận nơi tham, hoặc tùy thuận

theo sân, hoặc tùy thuận theo si, phát khởi các triền phiền não mãnh liệt.

Lại, tức ở trong sự nối tiếp của tâm kia luôn có trói buộc theo. Lại do chỉ tạo được những thắng giải thấp kém, không có các thứ thắng giải rộng lớn, nên đối với các cảnh giới, tâm lại hướng nhập. Do đối với các sự việc như cha mẹ v.v..., không thể để cô độc mà không lưu tâm quyến luyến, nên đối với nẻo xuất ly, tâm không hướng nhập. Do đối với tám Thánh đạo chi không có thắng giải, nên nơi nẻo xa lìa, tâm không hướng nhập. Do ở trong sự đoạn trừ phiền não của quả kia không có thắng giải, nên đối với Niết-bàn, tâm không hướng nhập.

Lược do hai xứ gồm thâu tất cả lậu:

1. Do kiến đạo đoạn.
2. Do tu đạo đoạn.

Nên biết ở đây, tác ý phi lý cùng với cảnh của đối tượng duyên gọi là pháp thuận theo lậu. Nếu các hàng hữu học có thể phát khởi tu đạo đoạn trừ các lậu, là tác ý phi lý nơi cảnh giới của đối tượng duyên, tuy chưa đoạn dứt hoàn toàn, nhưng do diệu huệ đã thông tỏ đúng đắn, nên gọi là, ở trong pháp thuận theo lậu ấy, tâm được tịch tĩnh, cũng có mất niệm tăng thượng sanh khởi triền yếu kém, nên chưa gọi là thanh tịnh mát mẻ, chưa gọi là yên lặng. Nhưng chỗ dấy khởi tất cả kiến đạo đoạn trừ các lậu, đều vĩnh viễn đoạn trừ, nên cũng gọi là thanh tịnh, mát mẻ. Do đối với vị lai không sanh khởi pháp, nên cũng gọi là yên lặng.

Các phàm phu kia đã tạo được các thắng giải thấp kém, đối khắp tất cả pháp thuận với các lậu, tâm không tịch tĩnh, nên không gọi là thanh tịnh mát mẻ, không gọi là yên lặng. Nên biết, do bầy nhân duyên ấy nên trở lại thối, bỏ chỗ tu học chính đáng. Cùng với dấy trái nhau, là bầy nhân duyên của phẩm trắng hiện có. Tức ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, đã xuất gia rồi, trọn không thối chuyển, từ bỏ chỗ tu học chính đáng.

Lại nữa, hoặc có Bí-sô, dựa nơi bốn xứ chấp trước, nên biết vị ấy hành bốn thứ hành tà.

Những gì gọi là bốn thứ xứ chấp trước? Đó là:

1. Như có Bí-sô, đối với xứ trong ngoài đều có tham ái, nên có thể chiêu cảm hữu sau. Ở trong hiện pháp không vui thích Niết-bàn. Đó là xứ chấp trước thứ nhất.

2. Lại có Bí-sô, trước đã xả bỏ các sự việc hiện có bên ngoài, như cha mẹ v.v..., giờ lại có sự luyến tiếc trói buộc tâm. Như thế gọi là xứ chấp trước thứ hai.

3. Lại, như có một Bí-sô, ở trong hiện pháp mong cầu tất cả lợi dưỡng, sự cung kính. Đối với các chỗ đạt được những thứ ấy, tâm luôn tham đắm không bỏ. Như thế gọi là xứ chấp trước thứ ba.

4. Lại, như có một Bí-sô, là hàng hữu học, đã kiến đế tích, nhưng ngã mạn hãy còn, là chỗ đeo đuổi của phần ít tham ái, đối với việc tu tập để trừ bỏ thì trụ trong phóng dật. Như thế gọi là xứ chấp trước thứ tư.

Thế nào gọi là bốn thứ hành tà? Đó là:

1. Nghĩa là Bí-sô kia đầu tiên là yêu thích hữu sau nơi hữu tình, nên ở trong hiện pháp không vui thích Niết-bàn. Hoặc các hàng hữu học hành nơi phóng dật, do sức tăng thượng của xứ chấp trước ấy, nên vui thích việc tại gia và chúng xuất gia cùng tạp trụ. Như thế gọi là hành tà thứ nhất.

2. Lại có Bí-sô, tức trước yêu thích hữu sau nơi hữu tình. Do sức tăng thượng của việc yêu thích hữu sau, nên phát khởi nguyện tà, hành theo phạm hạnh. Như thế gọi là hành tà thứ hai.

3. Lại có Bí-sô, đối với chỗ xả bỏ sự việc bên ngoài ở trước, đã có luyến tiếc. Do sức tăng thượng của xứ chấp trước kia, nên có thể khiến khởi, bỏ chỗ tu học chân chánh. Như thế gọi là hành tà thứ ba.

4. Lại như có Bí-sô, nơi đời hiện tại mong cầu lợi dưỡng cùng sự cung kính, đối với chỗ đạt được các thứ ấy, tâm tham đắm không bỏ. Do sức tăng thượng của xứ chấp trước ấy, nên hủy phạm giới luật, nói rộng cho đến nói, hành đều sai lạc, công nhiên phạm giới. Như thế gọi là hành tà thứ tư.

Lại nữa, có các Bí-sô, đối với nghĩa, không khéo theo kẻ khác nghe nhận vô số ngôn thuyết về một nghĩa của văn tự, liền mang do dự không sanh hoan hỷ. Nay ở trong ấy, cái gì là thật?

Lại có bốn thứ, có thể sanh môn không điên đảo của trí kiến thanh tịnh vi diệu. Những gì là bốn? Đó là:

1. Hết sức siêng năng, tinh tấn quán xét về Khổ. Đối với nhân thọ sanh, diệu trí nhận biết như thật.

2. Lại, đối với sự nương giữ cùng nhân của chỗ dựa, diệu trí nhận biết như thật.

3. Lại, đối với nhân trụ, diệu trí nhận biết như thật.

4. Lại, đối với tự tánh, trợ bạn của duyên nương, tùy thuận nơi hành khổ vui, không khổ vui, diệu trí nhận biết như thật.

Lại, do hai duyên nên Đức Như Lai diệt trừ nơi nghĩa do dự hiện có của hữu tình bất thiện:

1. Hiện thị vô số văn từ biểu hiện một nghĩa. Văn có sai biệt, nghĩa không sai biệt. Do đấy có thể khiến đoạn trừ do dự.

2. Mở bày làm rõ nghĩa rộng của Thánh giáo, do đấy có thể khiến thông đạt nghĩa kia.

Thế nào gọi là nghĩa rộng của Thánh giáo? Tức là từ địa tư lương cho đến lậu dứt hết, đều gọi là nghĩa rộng của Thánh giáo.

Ở đây, căn của biên vực thánh thực an trụ. Đức Như Lai giáo hóa tương ứng với vô ngã, khéo thọ nhận, văn tư kiên cố tạo thành chánh kiến đã thành tựu. Đây là nương dựa, đây là kiến lập. Ở riêng nơi chốn vắng lặng, duyên nơi xứ trong ngoài theo bốn thứ thức trụ. Vì muốn đoạn trừ các thức có thủ, nên tu tuần tự về thân niệm, là chỗ thâm nhận của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thù thắng. Do uy lực của sự thân cận tu tập, nên phát sanh duyên như thật nơi trụ thứ nhất, tiếp cận với hiện quán, Chỉ Quán song hành. Từ đấy, ở trong Thánh đế không gián đoạn, có thể hội nhập nơi hiện quán, lại tu tập nữa, như chỗ đắc đạo do dần tiến tới, nên có thể chứng đắc tất cả các lậu vĩnh viễn dứt hết. Như có thể duyên như thật nơi thức trụ thứ nhất, cho đến duyên như thật nơi thức trụ thứ tư, nên biết cũng thế.

Lại nữa, như trước đã nói, hữu tình không giữ gìn căn môn, các triền phiền nào hiện tiền không bỏ, xét chọn của thế gian và xuất thế gian, tu tập hai lực đối trị có chỗ thiếu sót, khiến phiền nào sanh rồi, tánh nhiều chấp chặt, nên đi tới trụ xứ dùng các cảnh giới để mê hoặc. Như thế, Ma kia đối với các hữu tình tánh chấp trước nơi các triền phiền nào nên có thể thao túng, vì nhằm mê hoặc nơi sự an lập nối tiếp theo đối tượng duyên.

Lại, các hữu tình không gìn giữ căn môn như thế, nên đối với Bát Niết-bàn, sự mong muốn vui thích yếu kém, thân ái yếu kém. Ví như những gian nhà bằng cỏ lau khô mục, Ma liền đối với các chốn ấy tích chứa các cảnh giới khả ái là lửa đuốc để thiêu rụi hết.

Do hai nhân duyên, nên các hữu tình kia thường bị cảnh giới che phủ:

1. Các triền chưa sanh, khiến sanh.
2. Các triền đã sanh, khiến nối tiếp.

Do bị cảnh giới ái che phủ, nên lúc truy tìm rộng khắp các cảnh giới, phần nhiều hành theo vô số hành ác bất thiện. Nơi lúc hành các hành tà ác như thế, lại bị vô số các pháp ác bất thiện che lấp, như trước đã nêu. Hành theo hành tà rồi, thì hành lạc đường, men theo dòng chảy mà đi, gọi là kẻ thuận theo dòng chảy sanh tử. Cùng với đấy trái nhau,

là phẩm trắng hiện có, nên biết đó gọi là người không thuận theo dòng chảy sanh tử.

Lại nữa, do tám thứ tướng, nên biết là gồm thâu chung các loại hành đạo chân chánh của Bồ tát hữu sau:

1. Do thương xót.
2. Do dũng mãnh.
3. Quán xét kỹ về tánh của pháp nhãn hiện tiền.
4. Có thể xuất ly.
5. Tự nội phát khởi hành quán để.
6. Khéo tu tập chánh kiến thế gian rộng lớn hiện tiền.
7. Do đạt được pháp Bồ đề phần vô lậu nên được thanh tịnh.
8. Do khéo tu tập giác phần thanh tịnh, cùng tiến tu đạo thuần tịnh vô thượng, nương dựa nơi sáu xứ, tu tập đầy đủ, nên đạt được sáu thứ công đức viên mãn tối thắng vô thượng.

Nên biết ở đây, các Đại Bồ tát đối với các hữu tình luôn luôn thương xót, huân tu nơi tâm, trụ nơi hữu sau cùng, thấy những kẻ ngu tối rơi xuống sông tham ái, trôi nổi theo dòng chảy sanh tử, bị năm thứ tướng khổ bức bách. Đã quán thấy rồi, liền khởi đại bi sâu xa. Những gì là năm tướng? Đó là:

1. Thấy các hữu tình kia rơi xuống sông tham ái, không tâm tư đúng đắn, luôn bị thứ nước không đáng yêu thích xô đẩy nhận chìm.
2. Thấy các hữu tình kia, nơi sáu xứ trong ngoài, bị ba thứ lửa độc đốt cháy, khó trụ nơi hai bờ.
3. Thấy các hữu tình kia, ở nơi cõi Dục có rất nhiều sầu khổ, vô số tai họa, các thứ gai nhọn bày khắp bên dưới.
4. Thấy các hữu tình kia, ở nơi cõi Sắc, mắt huệ của thế gian đã được đầy đủ, mắt huệ của các Thánh có chỗ thiếu sót, cũng như cảnh tối tăm ở tại trên ấy.

Đã thấy các loài hữu tình rơi xuống sông tham ái như thế, đối khắp tất cả đều không tịch tĩnh, hoặc xúc chạm, hoặc ở nơi bờ, hoặc bị khổ dưới giữa trên bức bách, nên Bồ tát phát khởi đại bi. Đó gọi là thương xót.

Lại, tức thành tựu tâm thương xót kia, hoặc sanh nơi vương gia, hoặc sanh nơi nhà là thầy dạy của vua, tuy chưa xuất gia, nhưng tâm đầy khởi nguyện dũng mãnh: Ta nay nhất định sẽ thông đạt diệu tích, hưởng tu phạm hạnh, trọn không thối chuyển. Như thế gọi là bên trong hưng khởi dũng mãnh.

Lại, Bồ tát kia, tức nơi phần vị chưa xuất gia, ở dưới bóng cây

Thiền bộ, một mình an tọa tư duy, liền có thể chứng nhập Tĩnh lực thứ nhất. Sau, đối với pháp lão bệnh tử của mình, người, quán xét đúng, kỹ, có thể quyết định nhẫn thọ. Như thế gọi là xét kỹ về pháp nhẫn nơi tự hiện tiền.

Lại, Bồ tát kia, từ nơi đời trước đã hành tập thiện căn, là chỗ biết rõ, phát khởi của tất cả hành thiện. Lại, do lực tăng thượng của sự dũng mãnh, xét kỹ về pháp nhẫn, nên liền có thể dứt bỏ dục diệu rộng lớn, tịnh tín xuất gia, tuy không thiết lập phạm hạnh đúng đắn, nhưng có thể tự nhiên thọ trì giới cấm. Do giới cấm này làm chỗ nương dựa, nên lần lượt có thể chứng đắc, cho đến xứ Phi tướng phi phi tướng. Như thế gọi là có thể xuất ly.

Lại, Bồ tát kia vì muốn từ bỏ đạo thế gian, chính thức cầu xuất ly. Do đối với bậc Đẳng Chánh Giác của đời trước, đã đạt được nẻo xuất ly rất ráo vô thượng, lãnh hội, thắng giải đúng đắn, tích tập huân tu, thân nối tiếp, nên đối với đạo thế gian đều không tin, vui. Do nhân duyên ấy, nên đi tới cội bồ đề. Tức dựa nơi thời gian trước, quán về đạo lão bệnh tử giả tướng, nơi tướng của các đế thứ lớp quán xét, khởi tư duy: Các loài hữu tình của thế gian này, rơi rớt tại vô số các khổ của hiểm nạn, có sanh có lão có bệnh có tử, nhưng họ không thể đối với lão bệnh tử xuất ly rất ráo, nhận biết rõ đúng như thật về thứ lớp như thế. Quán nơi lão, tử, quán nơi tập của lão, tử. Quán nơi diệt của lão, tử. Quán có thể hướng đến, chứng đắc hành diệt lão, tử. Tác ý như lý làm chỗ dựa, từ lâu đã tích tập tư lương lớn. Do huệ câu sanh nên có thể giác ngộ tánh của tất cả pháp. An trụ nơi pháp trụ pháp giới của các pháp. Như thế gọi là tự nội phát khởi hành quan sát đế.

Lại, Bồ tát kia muốn cầu lậu trên được dứt hết, nên tạo phương tiện phát khởi trí túc trụ niệm, nhớ nghĩ về đời trước, từ trụ xứ của chư Như Lai Chánh Đẳng Giác, nơi đạo lậu tận tích chứa, hành tập văn, tư. Do sự phát khởi ấy, nên trải qua thời gian dài tích tập chánh kiến thế gian khiến được hiện tiền. Nhưng chánh kiến này, như kẻ chỉ dạy, trao truyền, dùng đũa làm chỗ dựa, có thể khiến cho Bồ tát ở yên nơi một chỗ ngồi, cho đến chứng đắc lậu dứt hết rất ráo. Như thế gọi là khéo tu chánh kiến rộng lớn hiện tiền.

Lại do chánh kiến hiện có của Bồ tát kia, như kẻ chỉ dạy trao truyền, lần lượt thắng tiến, trước đã xa lìa các dục của địa dưới, cho đến xứ Vô sở hữu của cõi Vô sắc. Nên lúc ở nơi Thánh đế đắc hiện quán, liền chứng bốn niệm trụ vô lậu v.v..., cho đến sau cùng là tám Thánh đạo chi nơi tất cả pháp Bồ đề phần hiện có. Được nêu lên sau rốt, nên

biết cũng gồm thấu tất cả phần vị trước. Do đạt được pháp kia, nên thành tựu quả Bất hoàn. Do đạt được pháp Bồ đề phần vô lậu, thế nên gọi là đạt được thanh tịnh, mát mẻ. Bồ tát kia, do đạt được an lạc rốt ráo của thế gian như vậy, đạt được an lạc vô lậu xuất thế gian, được thanh tịnh, mát mẻ, nên gọi là lìa mọi bùng cháy. Do đạo thế gian, cho đến đã lìa phiền não hệ thuộc xứ Vô sở hữu, cùng đã xa lìa các thứ phiền não do kiến đạo đoạn, nên gọi là lìa nhiệt não. Vì nhằm đoạn trừ vĩnh viễn, rốt ráo các phiền não hệ thuộc cõi Hữu đảnh, nên lại siêng năng tu tập thuần đạo vô lậu. Đó là tu tập giác chi vô thượng, nên gọi là tiến tu tu đạo vô thượng. Do sự tu tập ấy, nên trong địa vô học có sáu thứ pháp tu viên mãn rất ráo:

1. Tu thân thông Thánh viên mãn rất ráo.
2. Tu tịnh năm căn viên mãn rất ráo.
3. Chứng đắc lìa mọi trói buộc của các phiền não cùng tập khí, hoàn toàn viên mãn rất ráo.
4. Chứng đắc bốn thứ hiện pháp lạc trụ viên mãn rất ráo.
5. Chứng đắc Tĩnh lực thế gian cùng các đẳng trì đẳng chí giải thoát viên mãn rất ráo.
6. Chứng đắc danh thân, cú thân, văn thân, thuận theo chỗ mong muốn, tuyên thuyết Chánh pháp không gặp khó khăn trở ngại, viên mãn rất ráo.

Nên biết ở đây, tu tịnh tín căn đầy đủ rất ráo: Nghĩa là đối với Niết-bàn, ý lạc thanh tịnh. Tu căn tinh tấn viên mãn rất ráo: Tức là có thể dũng mãnh tạo tác nghĩa lợi cho tất cả hữu tình, hoàn toàn thanh tịnh. Tu tập niệm căn viên mãn rất ráo: Là pháp không quên mất của ba niệm trụ, hoàn toàn thanh tịnh. Tu tập định căn viên mãn rất ráo: Tức là đối với Thánh trụ, Thiên trụ cùng với Phạm trụ đều khéo thanh tịnh. Tu tập huệ căn viên mãn rất ráo: Nghĩa là mười trí lực khéo thanh tịnh.

Bồ tát kia do có thể an trụ nơi sáu xứ tu tập nhân viên mãn như thế, nên được gọi là đại vương, là bậc Pháp vương, do chứng đắc sáu thứ viên mãn ấy. Nghĩa là do sức tăng thượng của thân thông bậc Thánh, nên đạt được nhiều của cải, giàu sang tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của các căn thanh tịnh, nên đạt được nhà cửa rộng lớn tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của việc đoạn trừ các phiền não, nên được thọ dụng các tọa cụ, ngọa cụ an lạc tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của hiện pháp lạc trụ, nên ở trong nhà cửa, tọa ngọa cụ, chứng đắc đại an lạc trụ đệ nhất, không có các tổn não, tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của Tĩnh lực, đẳng trì đẳng chí giải thoát, nên chứng đắc có thể

thành tựu các sự việc lợi ích chân chánh cho tất cả hữu tình, hỷ lạc diệu dụng tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của việc đối với các thứ danh cú văn thân được tùy theo chỗ mong muốn, tuyên thuyết Chánh pháp không gặp khó khăn trở ngại, nên được gọi là Pháp vương, có thể đối với kẻ khác thể hiện sự bình đẳng, phân bố tác dụng tự tại viên mãn.

Như thế gọi là sáu xứ tu tập viên mãn làm chỗ dựa, chứng đắc sáu thứ tự tại viên mãn.

Lại nữa, lược có bốn thứ tìm cầu ngã luận, do luận này nên nơi kẻ Tát-ca-da-kiến chưa được đoạn trừ vĩnh viễn, tầm tư cầu ngã thường xuyên hiện hành. Bốn thứ tìm cầu là:

1. Tìm cầu ngã, ngã dùng cái gì làm tự tánh.
2. Tìm cầu ngã, ngã là thường hay là vô thường.
3. Tìm cầu, vì sao ngã là thường, vô thường?
4. Tìm cầu ngã, ngã sở hữu trụ tại xứ nào?

Nên biết ở đây, lược có bốn thứ tìm cầu về ngã:

1. Tìm cầu tự tánh.
2. Tìm cầu về chuyển.
3. Tìm cầu về nhân.
4. Tìm cầu về trụ xứ.

Trong ấy, ba thứ đầu có thể thiết lập được các hành sai biệt. Lại, sự thiết lập này có thể không điên đảo. Một loại thứ tư, do tất cả thứ, hoàn toàn không thể thiết lập được sự sai biệt.

Nên biết, thiết lập về tự tánh của ngã: Tức là thiết lập mười hai thứ xứ đã sanh khởi sáu thức cùng thọ tướng tư dùng làm ngã. Vượt quá đấy thì ngã còn lại không thể được.

Lại, ngã này thể tức là vô thường, do có sanh, giả, chết.

Lại, các hành ấy do đối với các nẻo, tự thể sanh khởi có vô số sai biệt, không thành thật, nên nói như sự huyễn. Tâm tưởng kiến đảo mê loạn tánh, nên gọi là như dợn nắng. Là pháp sanh khởi, diệt tận, nên gọi là có tăng giảm. Tánh của sát na, nên gọi là tạm thời. Luôn luôn hoại rồi chóng vánh có khác. Thường xuyên nối tiếp, nên gọi là mau hiện tiền tương tục. Lại không từ đâu, tới không chỗ đến, thế nên gọi là xưa không nay có, có rồi tan diệt. Do tướng như thế, nên lược nói thân sanh lần lượt vô thường, cùng có nhân sát na nối tiếp vô thường. Ba thứ như thế, thiết lập như lý về tự tánh của ngã, hoặc chuyển hoặc nhân. Thiết lập về trụ xứ hiện có, trọn không thể đạt được. Do trong các hành, lìa tánh của các hành, riêng có thật ngã trụ trong các hành không thể thủ đắc.

Do nhân duyên này, nên căn cứ nơi Thế tục đế, các hành hãy còn hoàn toàn không thể thiết lập, huống hồ là đối với Thắng nghĩa. Vì vậy, toàn bộ nơi Không lập không. Như thế, do tâm tác ý như lý, nên văn (nghe) hiểu rõ, tư cùng xét rõ, tu chắc thật rõ, như thứ lớp nêu bày có sai biệt, phải nên hoan hỷ, phải nên cùng hoan hỷ, phải nên hoan hỷ khắp.

*
**